

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	130001	BÙI HOÀNG AN	Nam	05/11/2010	5.35	6.04	6.3	6.4	6.02	3.25	3.00	2.25	0.0	0.0	7.76	
2	130002	NGUYỄN THỊ THU AN	Nữ	30/10/2010	7.99	7.9	8.39	8.76	8.26	5.75	6.00	5.75	0.0	0.0	14.73	
3	130003	TRẦN NGỌC THẢO AN	Nữ	26/03/2009	6.66	7.74	8.14	7.69	7.56	4.75	3.50	3.00	0.0	0.0	10.14	
4	130004	VŨ THỊ HOÀI AN	Nữ	16/05/2010	7.54	7.43	7.69	7.86	7.63	4.50	5.00	5.50	0.0	0.0	12.79	
5	130005	BÙI THỊ BẢO ANH	Nữ	26/04/2010	6.3	7.16	7.4	7.91	7.19	5.25	3.50	3.50	0.0	0.0	10.73	
6	130006	CAO TUẤN ANH	Nam	21/09/2010	6.68	6.76	7.1	7.53	7.02	5.75	5.25	5.00	0.0	0.0	13.31	
7	130007	DƯƠNG NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	13/11/2010	6.94	7.76	7.78	7.34	7.46	1.25	3.00	3.50	0.0	0.0	7.66	
8	130008	ĐÀO THỊ LAN ANH	Nữ	11/01/2010	7.19	7.75	8.14	8.24	7.83	4.25	2.50	3.00	0.0	0.0	9.17	
9	130009	ĐOÀN VI VÂN ANH	Nữ	05/11/2010	7.33	7.11	7.83	8.11	7.6	4.75	4.00	3.75	0.0	0.0	11.03	
10	130010	ĐỖ THỊ MỸ ANH	Nữ	09/04/2010	9	9.46	9.4	9.46	9.33	5.50	8.25	8.00	0.0	0.0	18.02	
11	130011	LÊ THỊ KIM ANH	Nữ	09/08/2010	8.21	8.09	7.85	8.01	8.04	5.75	4.25	3.25	0.0	0.0	11.69	
12	130012	NGUYỄN LÊ VÂN ANH	Nữ	13/10/2010	6.5	5.45	6.73	6.21	6.22	3.50	1.50	2.75	0.0	0.0	7.29	
13	130013	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	31/01/2010	6	6.35	6	6.51	6.22	4.08	1.50	2.00	0.0	0.0	7.17	
14	130014	PHẠM KỶ ANH	Nữ	22/01/2010	5.58	5.79	6.14	6.68	6.05	3.50	1.00	3.00	1.0	0.0	8.07	
15	130015	PHẠM LAN ANH	Nữ	20/08/2009	7.21	7.44	8.76	7.93	7.84	5.50	4.00	2.50	0.0	0.0	10.75	
16	130016	TRẦN THỊ TÚ ANH	Nữ	30/06/2010	7.3	8.73	9.31	9.1	8.61	5.50	5.75	6.00	0.0	0.0	14.66	
17	130017	DƯƠNG NGỌC ÁNH	Nữ	21/01/2010	8.28	7.88	8.25	8.04	8.11	3.50	3.75	2.50	0.0	0.0	9.26	
18	130018	HÀ QUANG BÁCH	Nam	20/01/2010	6.43	6.76	6.89	7.11	6.8	5.25	3.25	6.25	0.0	0.0	12.37	
19	130019	BÙI GIA BẢO	Nam	09/01/2010	7.03	6.86	7.21	6.63	6.93	5.00	3.25	6.75	0.0	0.0	12.58	
20	130020	BÙI TIÊU BẢO	Nam	09/08/2010	7.93	8.24	8.9	8.5	8.39	5.75	6.50	7.00	0.0	0.0	15.99	
21	130021	ĐẶNG GIA BẢO	Nam	22/09/2010	7.19	8.01	8.2	7.98	7.85	3.75	3.50	5.00	0.0	0.0	10.93	



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
22	130022	PHẠM MINH BẢO	Nam	04/11/2010	5.01	5.28	5.75	5.16	5.3	2.00	1.25	3.00	0.0	0.0	5.97	
23	130023	VÕ HOÀNG GIA BẢO	Nam	17/10/2010	7.26	6.54	6.75	6.38	6.73	3.75	2.00	3.25	0.0	0.0	8.32	
24	130024	TRẦN TUYẾT BĂNG	Nữ	12/06/2010	9.21	9.14	9.29	9.26	9.23	6.75	7.25	5.50	0.0	0.0	16.42	
25	130025	GIÁP HUY BÌNH	Nam	17/04/2010	8.31	7.78	7.65	7.4	7.79	4.33	3.50	4.00	0.0	0.0	10.62	
26	130026	LÂM QUỐC BÌNH	Nam	21/09/2010	7.19	6.51	7.04	6.95	6.92	4.00	5.50	2.00	0.0	0.0	10.13	
27	130027	NGUYỄN TUẤN CẢNH	Nam	30/09/2008	6.9	8.15	8.46	8.73	8.06	7.50	3.25	7.00	0.0	0.0	14.84	
28	130028	THỊ PHA CON	Nữ	10/10/2010	5.71	6.25	7.18	7.04	6.55	2.25	1.25	3.50	1.0	0.0	7.87	
29	130029	CHÓC LY DA	Nữ	31/05/2010	7.09	6.9	7.56	7.34	7.22	3.42	4.75	3.75	1.0	0.0	11.51	
30	130030	NGUYỄN NGÔ KHẢ DI	Nữ	15/03/2010	6.86	7.14	7.65	7.36	7.25	4.00	4.25	3.50	0.0	0.0	10.40	
31	130031	ĐẶNG THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	19/11/2010	6	6.05	6.96	6.48	6.37	5.75	4.00	2.50	0.0	0.0	10.49	
32	130032	NGUYỄN NGỌC DIỆU	Nữ	08/03/2010	7.43	7.41	7.03	6.3	7.04	3.75	0.50	4.00	0.0	0.0	7.89	Liệt
33	130033	NGUYỄN KHẢ DOANH	Nữ	14/07/2010	8.25	8.18	8.61	8.34	8.35	3.50	6.25	5.75	0.0	0.0	13.36	
34	130034	VÕ THỊ PHƯƠNG DUY	Nữ	11/05/2010	5.74	7.04	7.66	7.78	7.06	5.25	1.25	3.25	0.0	0.0	8.94	
35	130035	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	02/03/2010	9.23	9.4	9.15	9.04	9.21	5.75	4.50	7.00	0.0	0.0	14.84	
36	130036	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	04/08/2010	7.04	6.44	7.09	7.76	7.08	5.50	3.75	3.50	0.0	0.0	11.05	
37	130037	NGUYỄN VŨ MỸ DUYÊN	Nữ	21/01/2010	6.65	6.25	6.75	6.23	6.47	5.00	0.25	3.50	0.0	0.0	8.07	Liệt
38	130038	LÊ CHÍ DŨNG	Nam	07/12/2010	8.04	7.58	7.35	7.2	7.54	3.75	4.50	3.50	0.0	0.0	10.49	
39	130039	NGUYỄN QUỐC DŨNG	Nam	25/01/2010	7.58	8.93	9.19	8.96	8.67	6.25	4.00	4.50	0.0	0.0	12.93	
40	130040	NGUYỄN HUỲNH ÁNH DƯƠNG	Nữ	16/05/2010	8.06	7.73	7.45	7.49	7.68	5.00	3.00	3.50	0.0	0.0	10.35	
41	130041	QUẢN TUẤN DƯƠNG	Nam	11/07/2009	6.25	5.85	5.71	5.79	5.9	2.00	1.50	3.50	0.0	0.0	6.67	
42	130042	CHÈN RUỐCH ĐANA	Nam	09/09/2010	6.36	5.49	5.79	5.25	5.72	0.25	0.25	3.50	1.0	0.0	5.52	Liệt
43	130043	NGUYỄN MINH ĐẠI	Nam	19/02/2010	5.38	6.06	6.24	6.1	5.95	3.00	2.00	2.00	0.0	0.0	6.69	
44	130044	NGUYỄN VĂN ĐẠI	Nam	10/09/2010	6.16	6.86	7.36	7.4	6.95	3.50	1.50	2.00	0.0	0.0	6.99	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
45	130045	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	16/12/2010	8.05	7.29	7.26	7.14	7.44	2.50	2.75	2.00	0.0	0.0	7.31	
46	130046	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	28/11/2010	8.9	8.45	8.58	8.34	8.57	6.50	6.50	8.00	0.0	0.0	17.27	
47	130047	PHẠM MINH ĐẠT	Nam	25/09/2010	6.13	6.1	6.78	7.03	6.51	2.25	2.00	2.25	0.0	0.0	6.50	
48	130048	TRẦN MINH ĐẠT	Nam	12/07/2010	6.95	6.36	6.31	6.6	6.56	3.25	2.50	4.50	0.0	0.0	9.14	
49	130049	VÕ TIẾN ĐẠT	Nam	18/05/2010	6.76	6.38	6.46	6.8	6.6	3.50	1.75	3.00	0.0	0.0	7.76	
50	130050	ĐINH MINH ĐĂNG	Nam	19/03/2010	5.56	6	6.86	6.31	6.18	2.25	1.00	2.50	0.0	0.0	5.88	
51	130051	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	29/04/2010	5.34	5.91	6.66	6.84	6.19	4.75	3.50	3.50	0.0	0.0	10.08	
52	130052	NGUYỄN LÊ HẢI ĐĂNG	Nam	04/03/2010	8.05	6.4	6.88	7.01	7.09	4.25	3.25	5.50	0.0	0.0	11.23	
53	130053	HỒ CHANH ĐI	Nam	05/02/2010	5.64	5.43	5.58	5.44	5.52	2.00	1.00	4.50	1.0	0.0	7.91	
54	130054	LÊ KIM MAI ĐÌNH	Nữ	19/07/2010	9.16	8.41	8.45	7.63	8.41	5.75	7.25	6.50	0.0	0.0	16.17	
55	130055	LÝ THANH ĐƯỢC	Nam	16/06/2009	6.63	6.88	6.49	6.88	6.72	3.75	1.50	3.00	0.0	0.0	7.79	
56	130056	NGUYỄN TIẾN ĐƯỢC	Nam	20/01/2010	6.7	7.14	7.21	7.38	7.11	4.50	3.50	4.50	0.0	0.0	10.88	
57	130057	PHÍ TRỌNG ĐỨC	Nam	03/08/2010	6.21	7.04	6.66	7.1	6.75	2.00	1.25	1.75	0.0	0.0	5.53	
58	130058	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	27/02/2010	8.68	8.8	9.05	8.86	8.85	6.50	6.75	6.50	0.0	0.0	16.48	
59	130059	GIÁP ĐẶNG TỈNH GIANG	Nam	23/01/2010	9.28	9.63	9.54	9.5	9.49	7.00	8.00	9.25	0.0	0.0	19.82	
60	130060	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	20/10/2010	8.03	7.36	7.63	7.98	7.75	6.25	5.50	3.75	0.0	0.0	13.18	
61	130061	PHẠM QUỲNH GIAO	Nữ	21/08/2010	5.59	5.74	6.06	6.53	5.98	4.50	3.00	3.00	0.0	0.0	9.14	
62	130062	ĐẶNG THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	09/09/2010	6.31	5.69	5.59	5.88	5.87	1.00	2.50	2.50	0.0	0.0	5.96	
63	130063	VÕ NGUYỄN GIÁP	Nam	29/05/2010	6.44	6.96	6.86	6.51	6.69	2.25	5.25	4.00	0.0	0.0	10.06	
64	130064	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	21/09/2010	6.78	7.38	7.68	7.88	7.43	5.75	6.25	5.75	0.0	0.0	14.65	
65	130065	TẠ THỊ THANH HÀ	Nữ	22/10/2010	7.43	7.51	8.28	8.41	7.91	7.50	6.75	8.00	0.0	0.0	17.95	
66	130066	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	05/04/2010	8.44	8.94	8.55	8.76	8.67	7.25	7.25	4.25	0.0	0.0	15.73	
67	130067	TRẦN QUANG HÀ	Nam	15/02/2010	6.81	6.69	7.15	6.84	6.87	5.25	4.00	2.75	0.0	0.0	10.46	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
68	130068	TRẦN TRÍ HÀO	Nam	29/09/2010	6.9	7.51	7.33	6.29	7.01	5.00	2.00	3.25	0.0	0.0	9.28	
69	130069	HÀ THỊ HỒNG HẢI	Nữ	10/08/2010	7.56	7.63	8.08	8.4	7.92	5.25	3.00	4.00	0.0	0.0	10.95	
70	130070	NGUYỄN TRẦN LONG HẢI	Nam	23/10/2010	8.1	8.56	8.58	8.96	8.55	6.00	7.00	5.00	0.0	0.0	15.17	
71	130071	NGUYỄN HUỲNH MINH HẠO	Nam	10/12/2010	7.04	6.6	7.14	7.31	7.02	5.00	5.50	6.00	0.0	0.0	13.66	
72	130072	ĐINH THỊ THÚY HẰNG	Nữ	14/10/2010	7.71	8.53	8.66	8.71	8.4	4.75	4.50	3.25	0.0	0.0	11.27	
73	130073	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	28/05/2010	7.19	6.89	7.25	7.38	7.18	4.25	2.75	3.50	0.0	0.0	9.50	
74	130074	TRẦN THỊ MINH HẰNG	Nữ	11/05/2010	8.04	8.5	8.08	8.05	8.17	4.75	5.00	3.00	0.0	0.0	11.38	
75	130075	ĐOÀN NGỌC HÂN	Nữ	01/11/2010	7.24	8.14	7.59	7.46	7.61	4.25	5.00	3.25	0.0	0.0	11.03	
76	130076	LÊ GIA HÂN	Nữ	19/04/2010	6.24	6.45	6.24	6.58	6.38	3.25	2.25	3.25	0.0	0.0	8.04	
77	130077	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	11/05/2010	8.44	8.95	8.7	8.46	8.64	5.50	5.75	3.25	0.0	0.0	12.74	
78	130078	TRẦN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	26/09/2010	7.36	8.18	7.95	7.74	7.81	5.50	4.75	2.00	0.0	0.0	10.92	
79	130079	HÀ VĂN HẬU	Nam	18/02/2010	6.51	6.24	6.73	6.65	6.53	3.75	3.00	3.25	0.0	0.0	8.96	
80	130080	BÙI THỊ THU HIỀN	Nữ	05/06/2009	7.41	8.05	7.93	8.11	7.88	4.00	4.00	3.50	0.0	0.0	10.41	
81	130081	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	12/08/2010	7.54	7.9	7.81	7.8	7.76	4.75	3.50	3.75	0.0	0.0	10.73	
82	130082	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	14/08/2010	6.69	7.91	7.58	7.63	7.45	2.50	5.75	3.75	0.0	0.0	10.64	
83	130083	BÙI QUANG HUY	Nam	29/08/2010	6.75	7.99	6.8	7.29	7.21	4.50	3.75	6.50	0.0	0.0	12.49	
84	130084	NGUYỄN KHẮC HUY	Nam	16/09/2009	6.44	6.44	6.59	6.49	6.49	5.00	3.00	2.75	0.0	0.0	9.47	
85	130085	NGUYỄN VIỆT KHÁNH HUY	Nam	04/11/2010	7.18	8.58	8.01	7.95	7.93	5.50	5.00	3.75	0.0	0.0	12.35	
86	130086	PHẠM GIA HUY	Nam	20/05/2010	6.7	7.1	6.96	8.21	7.24	5.25	4.50	3.00	0.0	0.0	11.10	
87	130087	VÕ KHẮC HUY	Nam	15/04/2010	5.31	4.98	5.19	5.55	5.26	1.00	0.00	3.25	0.0	0.0	4.55	Liệt
88	130088	MAI THỊ HUYỀN	Nữ	08/12/2010	6.16	6.01	5.65	5.96	5.95	3.25	3.25	2.75	0.0	0.0	8.26	
89	130089	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	08/11/2010	7.38	8.19	8.68	9.1	8.34	5.25	5.00	5.50	0.0	0.0	13.53	
90	130090	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	24/05/2010	6.83	7.7	7.65	8.14	7.58	3.50	4.25	4.00	0.0	0.0	10.50	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
91	130091	VŨ THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	01/07/2010	6.41	7.43	7.58	7.5	7.23	4.75	5.50	4.50	0.0	0.0	12.49	
92	130092	QUẢN GIA HÙNG	Nam	01/04/2010	7.26	7.5	7.06	6.93	7.19	3.75	5.00	4.75	0.0	0.0	11.61	
93	130093	TRƯƠNG PHI HÙNG	Nam	28/01/2009	6.2	5.3	6	6.51	6	4.00	2.00	3.75	1.0	0.0	9.63	
94	130094	LIÊU GIA HÙNG	Nam	20/02/2010	7.86	8.3	8.36	7.71	8.06	5.50	6.25	5.50	0.0	0.0	14.49	
95	130095	LÊ TUẤN KHANG	Nam	14/10/2010	7.46	8.04	8.01	7.6	7.78	6.50	4.50	6.75	0.0	0.0	14.76	
96	130096	NGUYỄN KHANG	Nam	28/04/2010	5.83	6.86	7.81	7.76	7.07	6.25	6.50	5.75	0.0	0.0	15.07	
97	130097	NGUYỄN HOÀNG LÂM KHANG	Nam	29/06/2010	7.36	6.84	7.39	7.46	7.26	6.50	2.50	5.25	0.0	0.0	12.15	
98	130098	PHAN GIA KHANG	Nam	24/10/2010	7.66	6.89	6.06	6.54	6.79	5.75	3.00	2.75	0.0	0.0	10.09	
99	130099	PHẠM MINH KHANG	Nam	20/03/2010	5.6	6.86	6.54	6.34	6.34	4.00	0.00	2.75	0.0	0.0	6.63	Liệt
100	130100	PHẠM QUỐC KHANG	Nam	18/05/2010	6.86	6.81	7.18	6.76	6.9	5.50	2.75	4.00	0.0	0.0	10.65	
101	130101	NGUYỄN PHI KHANH	Nam	11/05/2009	5.8	6.18	5.64	5.59	5.8	5.00	2.00	2.75	0.0	0.0	8.57	
102	130102	PHẠM NGUYỄN TRỌNG KHÁ	Nam	21/01/2010	6.25	5.36	5.61	6.38	5.9	3.00	1.75	4.00	0.0	0.0	7.90	
103	130103	LÊ DUY KHÁNH	Nam	22/02/2009	5.7	5.3	5.2	5.78	5.5	5.00	2.75	1.75	0.0	0.0	8.30	
104	130104	NGUYỄN DANH KHÁNH	Nam	09/02/2010	8.23	8.29	8.2	7.95	8.17	6.00	4.25	4.25	0.0	0.0	12.60	
105	130105	VÕ HOÀNG DUY KHÁNH	Nam	27/11/2010	7.66	7.96	8.01	8.5	8.03	6.75	6.00	4.75	0.0	0.0	14.66	
106	130106	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	13/07/2010	8.41	8.35	8.9	9.14	8.7	7.00	5.25	6.25	0.0	0.0	15.56	
107	130107	NGUYỄN HỮU KHOA	Nam	13/08/2010	7.91	7.86	8.2	8.18	8.04	5.00	7.00	3.50	0.0	0.0	13.26	
108	130108	NGUYỄN MINH KHOA	Nam	03/02/2010	8.14	8.01	8.04	7.53	7.93	5.42	5.50	9.50	0.0	0.0	16.67	
109	130109	NGUYỄN THỂ KHÔI	Nam	05/01/2010	5.39	6.15	5.66	5.55	5.69	3.50	0.00	2.50	1.0	0.0	6.91	Liệt
110	130110	TRẦN ĐĂNG KHÔI	Nam	08/05/2010	6.99	6.65	7.43	7.3	7.09	4.75	4.00	5.50	1.0	0.0	13.10	
111	130111	ĐÀM DUY KHƯƠNG	Nam	11/01/2010	6.86	7.25	7.69	7.75	7.39	6.75	5.50	4.75	0.0	0.0	14.12	
112	130112	HỒ TUẤN KIẾT	Nam	16/03/2010	5.54	5.88	6.11	5.86	5.85	1.00	0.00	2.00	0.0	0.0	3.86	Liệt
113	130113	TRẦN GIA KIẾT	Nam	18/03/2010	5.29	5.58	5.71	5.58	5.54	5.00	1.75	3.75	0.0	0.0	9.01	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
114	130114	TRẦN THIÊN KIM	Nữ	27/11/2010	7.99	6.94	7.94	7.46	7.58	3.75	3.50	3.50	0.0	0.0	9.80	
115	130115	NGUYỄN VŨ TƯỜNG LAM	Nữ	19/09/2010	8.03	8.89	8.64	8.71	8.57	6.00	5.25	2.50	0.0	0.0	12.20	
116	130116	PHẠM THỊ TƯỜNG LAM	Nữ	19/06/2010	7.9	8.83	8.6	8.31	8.41	7.25	5.75	4.50	0.0	0.0	14.77	
117	130117	TRƯƠNG THỊ TRÚC LAM	Nữ	27/11/2010	7.53	7.3	7.49	7.16	7.37	5.00	2.50	3.50	0.0	0.0	9.91	
118	130118	NGUYỄN THỊ YẾN LAN	Nữ	29/08/2010	8.18	8.16	8.71	8.89	8.49	6.25	4.00	6.25	0.0	0.5	14.60	
119	130119	PHẠM HOÀNG LAN	Nữ	27/10/2010	7.3	8.44	8.55	9	8.32	5.25	1.50	3.25	0.0	0.0	9.50	
120	130120	NGÔ THUY LÂM	Nữ	18/03/2010	9.01	8.8	9.28	9.53	9.16	8.50	6.00	8.25	0.0	1.0	19.67	
121	130121	PHẠM PHONG LÂM	Nam	29/09/2010	6.28	5.6	6.78	6.45	6.28	3.08	2.75	3.75	0.0	0.0	8.59	
122	130122	NGUYỄN HOÀNG LÊ	Nam	27/02/2010	6.35	6.14	7.11	7.29	6.72	6.25	2.75	4.50	0.0	0.0	11.47	
123	130123	DƯƠNG VĂN LÊN	Nam	31/03/2010	6.7	7.48	7.8	7.05	7.26	3.25	4.25	5.75	0.0	0.0	11.45	
124	130124	ĐỖ KHẮC ĐẠI LONG	Nam	09/05/2010	7.93	7.46	7.69	8.01	7.77	4.75	5.50	3.00	0.0	0.0	11.61	
125	130125	HUỲNH NHẬT LONG	Nam	14/12/2010	5.88	5.76	5.85	6.69	6.05	4.75	3.00	3.75	0.0	0.0	9.87	
126	130126	NGUYỄN DUY LONG	Nam	04/12/2010	5.51	5.99	6.34	6.64	6.12	4.75	0.75	5.50	0.0	0.0	9.54	Liệt
127	130127	TRẦN NHẬT BẢO LONG	Nam	21/04/2010	5.91	5.63	6.09	5.95	5.9	4.50	0.50	2.25	0.0	0.0	6.85	Liệt
128	130128	NGUYỄN THỊ LUYẾN	Nữ	15/02/2010	8.06	8.63	8.45	8.55	8.42	6.25	6.00	3.50	1.0	0.0	14.55	
129	130129	NGUYỄN MINH LƯỢNG	Nam	21/10/2010	6.06	6.66	6.91	6.74	6.59	5.00	5.00	3.25	0.0	0.0	11.25	
130	130130	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	02/12/2010	8.33	8.3	8.54	9	8.54	8.00	6.00	7.25	0.0	0.0	17.44	
131	130131	PHẠM THỊ THANH MAI	Nữ	02/08/2010	8.49	8.83	8.98	8.89	8.8	6.00	3.25	6.25	0.0	0.0	13.49	
132	130132	THÁI THỊ MAI	Nữ	08/04/2010	5.69	5.76	6.09	6.68	6.06	2.75	5.00	2.75	1.0	0.0	10.17	
133	130133	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	03/12/2010	5.91	5.31	5.49	5.39	5.53	4.00	3.75	1.25	0.0	0.0	7.96	
134	130134	MÔN RẮC SƠ MÂY	Nữ	28/05/2010	5.98	6.58	7.01	6.98	6.64	3.75	2.75	3.75	1.0	0.0	10.17	
135	130135	LÊ GIA MẶN	Nữ	19/04/2010	6.29	6.01	6.51	6.21	6.26	4.00	1.25	3.00	0.0	0.0	7.65	
136	130136	ĐỖ ĐỨC MINH	Nam	31/07/2010	7.24	7.55	8.11	7.81	7.68	3.08	4.50	6.00	0.0	0.0	11.81	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
137	130137	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	15/02/2010	8.51	8.36	7.84	8.58	8.32	6.50	4.25	7.00	0.0	0.0	14.92	
138	130138	PHẠM GIA MINH	Nam	25/01/2010	5.96	5.95	6.13	6.11	6.04	3.50	2.50	3.25	0.0	0.0	8.29	
139	130139	VŨ ĐÌNH QUANG MINH	Nam	16/01/2010	6.53	6.65	6.74	7.04	6.74	5.00	3.75	3.50	0.0	0.0	10.60	
140	130140	BÙI THANH NGỌC NAM	Nam	10/12/2010	7.88	8.18	7.91	8.04	8	7.75	4.25	3.75	0.0	0.0	13.43	
141	130141	DIỆM ĐĂNG HOÀNG NAM	Nam	24/09/2010	5.51	6.91	7.43	7.94	6.95	5.25	3.75	4.75	0.0	0.0	11.71	
142	130142	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	27/05/2010	6.14	6.05	6.38	6.51	6.27	2.50	2.00	2.75	0.0	0.0	6.96	
143	130143	THẠCH NAM	Nam	16/02/2010	5.61	5.58	5.63	6.79	5.9	4.50	2.25	2.50	1.0	0.0	9.25	
144	130144	TRẦN BẮC NAM	Nam	17/08/2010	5.66	5.43	6.16	5.95	5.8	2.50	1.25	2.50	0.0	0.0	6.12	
145	130145	TRƯƠNG HOÀNG NAM	Nam	02/01/2010	5.71	6.2	6.89	7.83	6.66	4.25	4.25	4.50	0.0	0.0	11.10	
146	130146	NGUYỄN THỊ NGÀ	Nữ	23/07/2010	9.15	9.45	9.53	9.66	9.45	6.75	5.25	7.25	0.0	0.0	16.31	
147	130147	PHAN THỊ NGÀ	Nữ	20/10/2010	9.28	9.6	8.51	8.54	8.98	7.00	6.25	7.75	0.0	0.0	17.39	
148	130148	HỒ VĂN HOÀNG NGÂN	Nam	09/01/2010	7.51	8.19	7.86	8.34	7.98	6.25	5.75	4.25	1.5	0.0	15.27	
149	130149	HÔNG THỊ NGỌC NGÂN	Nữ	21/10/2010	7.95	7.58	7.69	8.55	7.94	4.75	3.50	4.50	0.0	0.0	11.31	
150	130150	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	Nam	18/11/2010	5.7	5.4	6.51	7.28	6.22	4.75	3.25	4.75	0.0	0.0	10.79	
151	130151	NGUYỄN NGỌC NGÂN	Nữ	26/04/2010	6.75	8.03	7.66	7.91	7.59	4.25	5.50	6.25	0.0	0.0	13.48	
152	130152	NGUYỄN PHẠM KIM NGÂN	Nữ	28/07/2010	6.39	7.36	6.48	7.06	6.82	3.50	4.00	2.75	0.0	0.0	9.22	
153	130153	PHẠM THANH NGÂN	Nữ	27/04/2010	7.18	7.8	8.2	7.76	7.74	7.00	4.25	4.25	0.0	0.0	13.17	
154	130154	NGÔ QUỐC NGHĨA	Nam	11/10/2010	6.55	6.86	6.64	6.09	6.54	3.25	2.50	2.75	0.0	0.0	7.91	
155	130155	VÕ MINH NGHĨA	Nam	18/09/2010	6.8	7.1	7.19	6.96	7.01	5.25	4.00	1.25	0.0	0.0	9.45	
156	130156	LÊ THỊ KIM NGOAN	Nữ	16/05/2010	7.36	6.91	7.04	7.11	7.11	4.75	2.00	3.75	0.0	0.0	9.48	
157	130157	NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN	Nữ	10/02/2010	6.43	7.41	7.2	7.49	7.13	5.75	4.00	3.00	0.0	0.0	11.06	
158	130158	NGUYỄN VĂN NGOAN	Nam	28/08/2010	6.84	6.29	6.79	7.24	6.79	4.75	2.00	4.00	0.0	0.0	9.56	
159	130159	BÙI BẢO NGỌC	Nữ	25/05/2010	7.85	8.75	8.15	7.84	8.15	6.50	3.25	4.25	0.0	0.0	12.25	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
160	130160	ĐỖ THỊ MỸ NGỌC	Nữ	09/04/2010	8.68	9.41	9.31	9.41	9.2	6.00	6.50	7.75	0.0	0.0	16.94	
161	130161	LÊ KHÁNH NGỌC	Nữ	25/02/2010	7.49	7.98	7.85	7.81	7.78	4.50	4.00	6.25	0.0	0.0	12.66	
162	130162	LÊ KIM NGỌC	Nữ	07/07/2010	7.55	8.3	7.58	7.5	7.73	4.25	4.75	4.75	0.0	0.0	11.94	
163	130163	LÊ THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	05/11/2010	5.93	6.39	6.68	6.74	6.44	4.25	3.50	4.25	0.0	0.0	10.33	
164	130164	NGÔ HỒNG NGỌC	Nữ	12/04/2010	7.94	7.73	7.75	7.96	7.85	7.00	4.75	5.25	0.0	0.0	14.26	
165	130165	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	18/04/2010	6.46	6.88	7.24	7.39	6.99	4.50	3.25	4.75	0.0	0.0	10.85	
166	130166	NGUYỄN CHÂU YÊN NGỌC	Nữ	22/01/2010	7.25	8.09	8.13	7.98	7.86	7.00	6.00	3.25	0.0	0.0	13.73	
167	130167	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	Nữ	16/09/2010	6.95	6.69	7.2	6.95	6.95	3.50	2.25	4.00	0.0	0.0	8.91	
168	130168	PHẠM HOÀNG BẢO NGỌC	Nữ	10/03/2010	6.53	7.03	7.16	7.35	7.02	3.50	2.00	3.00	0.0	0.0	8.06	
169	130169	PHẠM THỊ BẢO NGỌC	Nữ	08/01/2010	5.95	6.03	6.88	6.49	6.34	1.25	3.50	3.25	0.0	0.0	7.50	
170	130170	TRẦN VÕ MINH NGỌC	Nữ	29/10/2010	8.64	9.2	9.51	9.51	9.22	7.25	6.25	8.00	0.0	0.0	17.82	
171	130171	PHẠM VÕ TRUNG NGUYỄN	Nam	23/11/2010	5.94	6.21	6.61	6.4	6.29	3.00	3.50	2.50	0.0	0.0	8.19	
172	130172	TRẦN LƯU THẢO NGUYỄN	Nữ	03/09/2010	6.98	7.5	7.56	8.36	7.6	6.92	5.00	6.00	0.0	0.0	14.82	
173	130173	NGUYỄN THỊ NHƯ NGUYỆT	Nữ	23/06/2010	9.15	9.63	9.68	9.61	9.52	7.25	6.50	8.00	0.0	0.0	18.08	
174	130174	SƠN THỊ THU NHÂN	Nữ	19/11/2010	6.4	6.98	7.44	7.24	7.02	4.75	3.50	3.00	1.0	0.0	10.98	
175	130175	PHẠM THÀNH NHÂN	Nam	12/12/2010	7.29	7.48	7.91	7.55	7.56	5.00	4.75	5.25	0.0	0.0	12.77	
176	130176	DƯƠNG THỊ YẾN NHI	Nữ	17/11/2010	6.41	8.13	8.31	8.71	7.89	5.00	3.75	3.50	0.0	0.0	10.94	
177	130177	LÊ THỊ TUYẾT NHI	Nữ	17/05/2010	6.28	6.88	6.73	6.25	6.54	4.50	3.50	1.75	0.0	0.0	8.79	
178	130178	NGUYỄN NGỌC SONG NHI	Nữ	05/03/2010	6.61	6.15	6.43	6.66	6.46	4.75	3.00	2.75	0.0	0.0	9.29	
179	130179	NGUYỄN THỊ ÁI NHI	Nữ	27/06/2010	7.23	7.41	7.64	7.06	7.34	4.75	2.25	2.00	0.0	0.0	8.50	
180	130180	VÕ THỊ YẾN NHI	Nữ	01/08/2010	6.04	7.6	6.95	7.3	6.97	3.25	2.25	2.25	0.0	0.0	7.52	
181	130181	VŨ NGỌC NHI	Nữ	06/06/2010	9.13	9.55	9.61	9.64	9.48	6.50	7.00	7.50	0.0	0.0	17.54	
182	130182	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	11/02/2010	5.91	6.24	5.88	5.71	5.94	5.00	2.00	2.50	0.0	0.0	8.43	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
183	130183	CHÂU THỊ NGỌC NHƯ	Nữ	17/11/2010	5.68	6.5	6.23	6.19	6.15	3.00	3.25	3.75	0.0	0.0	8.85	
184	130184	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	10/04/2010	6.4	6.61	7.59	6.94	6.89	3.75	2.75	3.75	0.0	0.0	9.24	
185	130185	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG NHƯ	Nữ	27/01/2010	8.29	7.19	6.5	6.46	7.11	5.25	2.00	5.25	0.0	0.0	10.88	
186	130186	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	Nữ	01/12/2010	6.83	6.89	6.93	5.58	6.56	3.25	0.25	4.75	0.0	0.0	7.74	Liệt
187	130187	NGUYỄN HOÀNG TÂN PHÁT	Nam	05/03/2010	6.21	6.04	6.11	6.31	6.17	3.75	1.50	3.75	0.0	0.0	8.15	
188	130188	NGUYỄN TÂN PHÁT	Nam	21/04/2010	6.9	6.79	7.04	7.53	7.07	6.50	3.75	3.00	0.0	0.0	11.40	
189	130189	NGUYỄN THỊNH PHÁT	Nam	01/01/2010	7.15	7.78	8.05	7.76	7.69	6.00	3.75	6.75	0.0	0.0	13.86	
190	130190	PHẠM GIA PHÁT	Nam	25/11/2010	6.99	6.18	6.26	5.96	6.35	4.00	1.75	4.25	0.0	0.0	8.91	
191	130191	HỒ THANH PHONG	Nam	21/06/2010	5.16	5.64	5.68	5.46	5.49	1.50	0.00	2.00	0.0	0.0	4.10	Liệt
192	130192	NGUYỄN XUÂN PHONG	Nam	08/08/2010	6.86	6.89	7.24	6.98	6.99	6.25	4.75	4.50	0.0	0.0	12.95	
193	130193	MAI THIÊN PHÚ	Nam	01/02/2010	5.18	5.3	5.76	5.36	5.4	2.00	1.00	2.25	0.0	1.0	6.30	
194	130194	VI ĐỨC PHÚ	Nam	13/06/2010	9.49	9.54	9.49	9.64	9.54	7.25	7.25	9.00	0.0	0.0	19.31	
195	130195	NGUYỄN NGỌC PHÚC	Nam	13/02/2009	5.4	6.41	6.95	6.81	6.39	6.50	3.25	3.00	0.0	0.0	10.84	
196	130196	NGUYỄN THÀNH PHÚC	Nam	01/10/2010	5.61	6.65	6.9	7	6.54	5.00	2.50	2.75	0.0	0.0	9.14	
197	130197	NGUYỄN TRẦN TRỌNG PHÚC	Nam	20/01/2010	8.23	8.58	8.43	8.11	8.34	5.00	7.25	6.75	0.0	0.0	15.80	
198	130198	PHẠM THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	25/10/2010	8.44	8.24	8.35	8.43	8.37	7.50	6.25	6.75	0.0	0.0	16.86	
199	130199	TRẦN MINH PHƯƠNG	Nữ	25/04/2010	6.83	7.73	7.74	7.18	7.37	5.25	4.00	4.25	0.0	0.0	11.66	
200	130200	TRỊNH THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	10/07/2010	6.18	5.96	6.14	7	6.32	5.50	4.75	7.75	0.0	0.0	14.50	
201	130201	NGUYỄN LÊ HỮU PHƯỚC	Nam	09/01/2010	7.79	7.83	7.84	8.59	8.01	7.25	6.00	7.00	0.0	0.0	16.58	
202	130202	NGUYỄN NHẬT QUANG	Nam	23/09/2010	6.06	6.31	5.95	6.25	6.14	3.75	1.50	3.00	0.0	0.0	7.62	
203	130203	NGUYỄN NHẬT QUANG	Nam	28/04/2010	5.15	5.44	6.01	6.31	5.73	4.00	2.00	2.50	0.0	0.0	7.67	
204	130204	LÊ NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	06/11/2010	6.63	5.94	6.14	6.19	6.23	3.75	2.75	3.00	0.0	0.0	8.52	
205	130205	LÝ DƯƠNG MỸ QUYÊN	Nữ	10/01/2010	8.93	8.48	8.8	8.61	8.71	5.50	7.50	6.00	0.0	0.0	15.91	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
206	130206	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	27/03/2010	8.26	8.18	8.4	8.25	8.27	7.00	4.00	3.75	0.0	0.0	12.81	
207	130207	VY THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/01/2010	7.79	7.58	7.5	8.45	7.83	6.50	5.25	6.25	0.0	0.0	14.95	
208	130208	LÊ TRẦN PHÚ QUÝ	Nam	25/12/2009	5.61	4.65	4.89	4.89	5.01	1.00	1.00	4.00	0.0	0.0	5.70	
209	130209	NGUYỄN TRUNG QUÝ	Nam	23/05/2010	7.46	8.55	8.14	8.05	8.05	7.00	6.75	4.00	0.0	0.0	14.84	
210	130210	KHVEN THIA RI	Nữ	27/06/2010	7.44	7.04	7.55	7.59	7.41	5.50	2.75	4.50	1.0	0.0	12.15	
211	130211	TRẦN NGỌC SANG	Nữ	12/09/2010	5.9	5.65	5.91	6.21	5.92	2.50	0.75	3.75	0.0	0.0	6.68	Liệt
212	130212	CHHÂU PI SÂY	Nữ	17/11/2010	5.65	6.4	6.85	7.36	6.57	3.00	2.50	3.50	1.0	0.0	9.27	
213	130213	DANH THỊ SEN	Nữ	28/03/2010	7.26	8.29	7.89	7.8	7.81	5.75	1.50	2.25	1.0	0.0	9.99	
214	130214	NGUYỄN HỮU SOÀI	Nam	06/07/2010	7.79	8.13	7.58	7.84	7.84	5.75	5.00	5.25	0.0	0.0	13.55	
215	130215	NGUYỄN HỮU SƠN	Nam	27/05/2010	7.88	7.41	7.65	7.85	7.7	4.50	5.25	2.25	0.0	0.0	10.71	
216	130216	PHORN TAY	Nữ	14/02/2010	7.24	7.23	7.63	7.43	7.38	5.25	3.25	3.00	1.0	0.0	11.26	
217	130217	ĐỖ PHÁT TÀI	Nam	21/08/2010	4.95	4.9	6.13	6.11	5.52	4.50	3.75	4.25	0.0	0.0	10.41	
218	130218	HÒA TRUNG TÀI	Nam	06/02/2010	8.56	7.98	8.08	8.35	8.24	6.25	5.00	3.50	0.0	0.0	12.80	
219	130219	VÕ HÙNG TÀI	Nam	17/10/2010	6.8	7.58	8.2	7.89	7.62	3.75	5.25	2.50	0.0	0.0	10.34	
220	130220	NGUYỄN HIẾU TÂM	Nam	08/08/2010	8.73	9.19	9.34	9.29	9.14	6.75	8.25	9.00	0.0	0.0	19.54	
221	130221	NGUYỄN MINH TÂM	Nam	19/08/2009	5.71	5.45	5.65	5.26	5.52	3.75	1.75	2.75	0.0	0.0	7.43	
222	130222	NGUYỄN THÀNH TÂM	Nam	09/01/2010	6.59	6.58	7.15	7.34	6.92	5.75	4.50	3.75	0.0	0.0	11.88	
223	130223	LÊ NGUYỄN KHANG TẤN	Nam	28/12/2010	8.84	8.66	8.48	8.45	8.61	5.25	4.75	5.25	0.0	0.0	13.26	
224	130224	NGUYỄN THỊ KIỀU THANH	Nữ	02/07/2010	6.5	6.89	7.28	7.4	7.02	4.25	1.75	4.00	0.0	0.0	9.11	
225	130225	ĐOÀN THỊ THANH THẢO	Nữ	31/07/2010	7.74	7.49	8.06	7.56	7.71	4.25	6.00	7.50	0.0	0.0	14.74	
226	130226	HOÀNG THỊ THU THẢO	Nữ	04/02/2010	8.33	7.93	8.26	9.03	8.39	6.00	4.75	6.25	0.0	0.0	14.42	
227	130227	NGUYỄN KIM THẢO	Nữ	24/09/2010	6.21	5.94	6.21	6.33	6.17	5.00	2.00	3.25	0.0	0.0	9.03	
228	130228	NGUYỄN THỊ KIM THẢO	Nữ	01/02/2010	7.64	7.88	7.91	7.59	7.76	4.50	4.50	2.50	0.0	0.0	10.38	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	130229	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/08/2010	8.15	8.63	8.06	8.68	8.38	6.00	4.50	5.50	0.0	0.0	13.71	
230	130230	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	27/01/2010	7.25	7.38	7.7	7.95	7.57	5.25	2.00	3.75	0.0	0.0	9.97	
231	130231	NGUYỄN TRUNG GIA THẢO	Nam	08/11/2010	7.45	8.45	8.5	8.33	8.18	5.75	7.00	7.50	0.0	0.0	16.63	
232	130232	PHẠM THỊ BÍCH THẢO	Nữ	12/02/2010	8.48	8.74	8.76	8.46	8.61	6.50	6.75	6.25	0.0	0.0	16.23	
233	130233	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THI	Nữ	17/08/2010	6.18	5.4	5.65	6.34	5.89	3.00	1.50	4.25	0.0	0.0	7.89	
234	130234	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	Nam	07/07/2010	7.4	7.69	7.54	7.01	7.41	5.00	2.50	4.50	0.0	0.0	10.62	
235	130235	NGUYỄN BÙI MINH THIÊN	Nam	24/02/2010	7.03	7.6	6.93	6.81	7.09	2.25	3.25	1.75	0.0	0.0	7.20	
236	130236	KIM THỊNH	Nam	21/08/2010	7.53	8.15	7.35	7.33	7.59	4.50	4.50	3.00	0.0	0.0	10.68	
237	130237	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	Nam	07/05/2010	7.81	7.46	7.58	7.51	7.59	5.00	4.75	5.25	0.0	0.0	12.78	
238	130238	NGÔ KHẮC THUẬN	Nam	22/11/2010	7.89	8.21	8.01	7.56	7.92	4.75	6.00	3.50	0.0	0.0	12.35	
239	130239	NGUYỄN HỒ MINH THUẬN	Nam	06/11/2010	7.14	7	7.43	6.98	7.14	6.25	4.75	6.00	0.0	0.0	14.04	
240	130240	NGUYỄN VĂN THUYẾT	Nam	01/08/2009	6.11	6.06	6.76	5.88	6.2	2.75	4.00	2.75	0.0	0.0	8.51	
241	130241	NGUYỄN THỊ MINH THÙY	Nữ	24/11/2010	7.03	6.96	7.4	7.3	7.17	4.00	6.00	2.75	0.0	0.0	11.08	
242	130242	BÙI THỊ ANH THƯ	Nữ	12/08/2010	6.75	6.65	7.6	7.91	7.23	5.50	3.50	4.75	0.0	0.0	11.79	
243	130243	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	Nữ	17/06/2010	6.08	7.43	6.95	6.33	6.7	3.25	1.50	3.75	0.0	0.0	7.96	
244	130244	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	21/06/2010	7.13	6.45	7.19	7.44	7.05	4.25	5.50	5.00	0.0	0.0	12.44	
245	130245	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	04/11/2010	8.89	8.86	9.35	9.64	9.19	7.50	5.25	8.25	0.0	0.0	17.46	
246	130246	VI NGỌC ANH THƯ	Nữ	18/07/2010	7.9	8.15	8.33	7.73	8.03	7.25	4.25	7.50	0.0	0.0	15.71	
247	130247	LÊ HUỖNH THY	Nữ	25/11/2010	7.31	7.21	7.64	8.09	7.56	6.25	6.00	5.50	0.0	0.0	14.69	
248	130248	LÊ THỦY TIÊN	Nữ	10/10/2010	8.24	8.08	8.46	8.84	8.41	7.25	6.00	6.75	0.0	0.0	16.52	
249	130249	ĐỖ THỊ NGỌC TIÊN	Nữ	23/07/2010	6.15	6.36	7.18	7.53	6.81	5.75	4.75	3.50	0.0	0.0	11.84	
250	130250	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	13/10/2010	7.41	7.5	7.75	7.7	7.59	4.00	5.50	4.75	0.0	0.0	12.25	
251	130251	PHẠM THANH TOÀN	Nam	03/11/2010	6.31	6.21	6.55	6.1	6.29	3.75	0.25	3.75	0.0	0.0	7.31	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
252	130252	VÕ VĂN TỐT	Nam	20/07/2008	6.74	7.86	8.13	8.4	7.78	7.00	6.50	5.50	0.0	0.0	15.63	
253	130253	HỒ THỊ NGỌC TRANG	Nữ	21/05/2010	8.39	8.66	8.26	7.56	8.22	6.75	4.25	3.50	0.0	0.0	12.62	
254	130254	LÊ NHÃ TRANG	Nữ	19/09/2010	7.23	7.08	7.43	8.36	7.53	6.75	3.75	3.00	0.0	0.0	11.71	
255	130255	VI THỊ THU TRANG	Nữ	09/05/2010	9.15	9.21	9.16	9.53	9.26	7.50	6.50	7.75	0.0	0.0	18.00	
256	130256	VÕ THỊ NGỌC TRANG	Nữ	13/10/2010	8.74	8.7	8.55	8.98	8.74	6.50	4.00	4.50	0.0	0.0	13.12	
257	130257	NGUYỄN THỊ TRÀ	Nữ	26/05/2010	7.44	7.45	7.99	7.95	7.71	6.50	6.25	6.00	0.0	0.0	15.44	
258	130258	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	16/07/2010	7.1	7.44	7.11	7.24	7.22	3.00	5.25	3.00	0.0	0.0	10.04	
259	130259	TRẦN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	26/04/2010	7.23	7.01	7.4	7.24	7.22	3.75	4.75	3.50	0.0	1.0	11.57	
260	130260	ĐINH THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	18/06/2010	6.38	7.05	7.39	8	7.21	5.25	5.25	3.00	0.0	0.0	11.61	
261	130261	LÊ THỊ BÍCH TRÂN	Nữ	15/08/2010	6.36	5.88	6.98	6.66	6.47	4.00	3.50	3.00	0.0	0.0	9.29	
262	130262	TRẦN BẢO TRÂN	Nữ	15/10/2010	6.41	6.73	6.79	6.69	6.66	5.50	1.75	1.50	0.0	0.0	8.12	
263	130263	LÊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	28/05/2010	6.6	6.14	6.01	6.18	6.23	2.75	0.50	2.00	0.0	0.0	5.54	Liệt
264	130264	NGUYỄN THỊ MAI TRINH	Nữ	12/03/2010	7.29	7.76	7.43	7.78	7.57	4.75	2.50	3.25	0.0	0.0	9.62	
265	130265	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	Nữ	18/11/2010	6.73	6.35	7.05	7.89	7.01	5.75	4.50	3.25	0.0	0.0	11.55	
266	130266	PHẠM THỊ THU TRINH	Nữ	31/01/2010	6.95	7.93	8.14	8.34	7.84	6.75	5.50	4.50	0.0	0.0	14.08	
267	130267	ĐẶNG NGUYỄN ĐÌNH TRÍ	Nam	15/07/2010	8.38	8.5	8.43	8.31	8.41	4.50	5.00	8.00	0.0	0.0	14.77	
268	130268	NGUYỄN ANH TRÍ	Nam	12/07/2010	8.23	9.2	8.65	8.28	8.59	4.75	8.75	7.00	0.0	0.0	16.93	
269	130269	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Nam	24/01/2010	6.96	6.81	6.34	5.9	6.5	3.25	0.25	2.75	0.0	0.0	6.33	Liệt
270	130270	PHẠM LÊ TRUNG	Nam	24/08/2009	5	5.25	6.06	5.38	5.42	1.25	0.25	2.75	0.0	0.0	4.60	Liệt
271	130271	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	24/10/2010	5.96	5.71	5.66	6.98	6.08	3.25	2.25	5.50	0.0	0.0	9.52	
272	130272	NGUYỄN THỊ ÁNH TRÚC	Nữ	17/01/2010	5.59	5.45	6.14	6.6	5.95	3.25	2.50	2.50	0.0	0.0	7.56	
273	130273	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	07/08/2010	7.23	7.01	7.03	7.43	7.18	3.58	5.50	3.25	0.0	0.0	10.79	
274	130274	HOÀNG GIA TUỆ	Nữ	29/01/2010	7.71	7.05	8.24	8.31	7.83	5.25	6.00	6.75	0.0	0.0	14.95	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
275	130275	NGUYỄN THỊ MỸ TUYỀN	Nữ	20/10/2009	7.13	7.96	7.9	8.46	7.86	6.75	5.25	3.75	0.0	0.0	13.38	
276	130276	TRẦN THỊ NGỌC TUYỀN	Nữ	16/11/2010	6.36	6.68	7.1	6.63	6.69	4.25	1.00	3.00	0.0	0.0	7.78	
277	130277	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	17/08/2010	7.33	6.34	7.14	8.23	7.26	6.25	5.25	5.25	0.0	0.0	13.90	
278	130278	NGUYỄN CAO SƠN TÙNG	Nam	22/05/2010	6.96	7.13	7.44	7.39	7.23	7.00	5.25	3.00	0.0	0.0	12.84	
279	130279	NGUYỄN NGỌC CẨM TÚ	Nữ	19/03/2010	6.46	6.89	6.84	7.65	6.96	2.25	4.00	4.25	0.0	0.0	9.44	
280	130280	TRƯƠNG THỊ CẨM TÚ	Nữ	26/12/2010	5.55	6.21	5.74	7.43	6.23	3.75	2.50	4.75	0.0	0.0	9.57	
281	130281	ĐẶNG VỸ TƯỜNG	Nam	27/11/2010	5.04	5.49	5.4	5.56	5.37	0.25	1.00	4.25	0.0	0.0	5.46	Liệt
282	130282	NGUYỄN THỊ CÁT TƯỜNG	Nữ	10/12/2010	6.34	5.94	7.09	7.28	6.66	3.75	4.50	4.00	0.0	0.0	10.57	
283	130283	NGUYỄN NHƯ TỶ	Nam	10/07/2010	5.76	5.8	5.58	5.54	5.67	2.50	1.00	2.25	0.0	0.0	5.73	
284	130284	PHẠM NGỌC TỶ	Nữ	01/03/2010	6.83	6.58	7.06	6.63	6.78	3.25	1.00	4.00	0.0	0.0	7.81	
285	130285	PHẠM NGỌC TÚ UYÊN	Nữ	24/11/2010	7.61	8.01	7.69	7.88	7.8	4.75	5.75	6.00	0.0	0.0	13.89	
286	130286	DƯƠNG THỊ MINH VI	Nữ	12/12/2010	6.25	6.86	7.34	7.23	6.92	5.25	1.25	4.00	0.0	0.0	9.43	
287	130287	LÊ THỊ TƯỜNG VI	Nữ	12/04/2010	7.58	7	7.44	7.75	7.44	3.25	5.75	4.75	0.0	0.0	11.86	
288	130288	PHAN NGỌC YẾN VI	Nữ	18/08/2010	6.44	7.99	7.98	7.89	7.58	6.50	3.00	3.75	0.0	0.0	11.55	
289	130289	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	Nữ	30/12/2010	7.46	6.99	8.39	8.18	7.76	5.00	6.25	8.75	0.0	0.0	16.33	
290	130290	NGUYỄN VĂN HOÀNG VIỆT	Nam	18/11/2010	8	8.4	8.41	8.38	8.3	5.00	5.50	8.75	0.0	0.0	15.97	
291	130291	TRẦN QUANG VINH	Nam	04/02/2009	6.81	6.3	6.64	5.59	6.34	3.50	0.25	2.50	0.0	0.0	6.28	Liệt
292	130292	ĐẶNG NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	Nam	27/09/2010	6.55	6.18	6.18	6.06	6.24	3.25	5.00	2.25	0.0	0.0	9.22	
293	130293	PHẠM VĂN VƯƠNG	Nam	28/02/2010	7.84	7.86	7.55	7.21	7.62	5.00	2.25	4.00	0.0	0.0	10.16	
294	130294	CAO NGUYỄN KHÁNH VY	Nữ	13/08/2010	6.16	6.48	7.4	7.14	6.8	3.75	1.50	1.25	0.0	0.0	6.59	
295	130295	LÂM THỊ YẾN VY	Nữ	07/04/2010	8.28	9.21	9.15	8.99	8.91	6.75	7.25	5.50	0.0	0.0	16.32	
296	130296	NGUYỄN HÀ KIỀU VY	Nữ	25/09/2010	8.41	8.56	8.61	8.73	8.58	6.50	7.00	3.75	0.0	0.0	14.65	
297	130297	NGUYỄN HÀ YẾN VY	Nữ	19/10/2010	7.64	7.36	7.9	7.46	7.59	3.00	4.25	6.25	0.0	0.0	11.73	

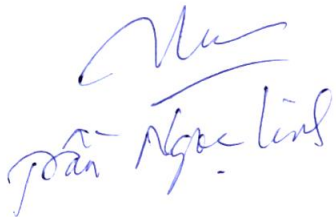
BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

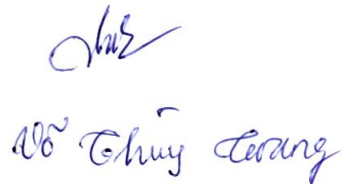
STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
298	130298	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG VY	Nữ	14/06/2010	6.04	5.94	7.16	6.86	6.5	4.00	2.50	4.00	0.0	0.0	9.30	
299	130299	NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	22/10/2010	7.73	8.7	8.76	8.38	8.39	6.75	6.00	5.25	0.0	0.0	15.12	
300	130300	NGUYỄN THỊ KHÁNH VY	Nữ	30/07/2010	8.36	8.31	8.31	8.95	8.48	6.75	5.50	6.00	0.0	0.0	15.32	
301	130301	NGUYỄN THỊ TUYẾT VY	Nữ	09/03/2010	8.73	8.5	8.36	8.45	8.51	6.50	6.00	5.00	0.0	0.0	14.80	
302	130302	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	09/12/2010	6.78	7.05	7.6	7.76	7.3	4.50	1.50	2.75	0.0	0.0	8.32	
303	130303	NGUYỄN VŨ NGỌC VY	Nữ	23/10/2010	7.94	7.73	7.74	8.21	7.91	7.25	2.75	4.50	0.0	0.0	12.52	
304	130304	PHAN THỊ KIỀU VY	Nữ	26/09/2010	7.18	7.64	7.94	7.95	7.68	5.25	5.00	3.75	0.0	0.0	12.10	
305	130305	PHẠM THỊ BÍCH VY	Nữ	22/09/2010	7.11	7.08	7.16	6.94	7.07	5.00	3.50	4.75	0.0	0.0	11.40	
306	130306	HÀ HUỖNH KIM YẾN	Nữ	07/08/2010	6	6.11	7.66	8.55	7.08	5.25	4.25	3.25	0.0	0.0	11.05	
307	130307	LƯU THỊ HẢI YẾN	Nữ	13/07/2010	7.68	7.99	7.78	7.88	7.83	6.25	4.50	4.75	0.0	0.0	13.20	
308	130308	NGÔ THỊ HỒNG YẾN	Nữ	23/09/2010	6.64	6.91	7.6	7.71	7.22	6.00	5.50	1.25	0.0	0.0	11.09	
309	130309	DƯƠNG YUMI	Nữ	09/08/2010	7.55	6.9	7.46	7.26	7.29	6.00	0.50	3.25	0.0	0.0	9.01	Liệt
310	130310	TẠ NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	11/01/2010	8.43	8.16	8.16	7.43	8.05	4.00	2.25	3.50	0.0	0.0	9.24	

Danh sách này có 310 thí sinh/

Cán bộ in



Cán bộ soát điểm



Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng